

DANH SÁCH DỰ THI TOEIC CTUT KHÓA 38**Ngày thi: 07/9/2025 (Buổi SÁNG có mặt tại phòng thi lúc 7h00)**

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	phòng
1	T38001	2101539	Lê Thị Lan	Anh	20/03/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 01
2	T38002	2100071	Võ Nguyễn Phương	Anh	02/01/2003	TP.Hồ Chí Minh	Phòng Máy 01
3	T38003	2000838	Hồ Nhật	Bằng	10/12/2002	Cà Mau	Phòng Máy 01
4	T38004	2100390	Ngô Thị Huyền	Chân	03/03/2003	Cà Mau	Phòng Máy 01
5	T38005	2101287	Đỗ Kim	Chúc	19/07/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 01
6	T38006	2100418	Nguyễn Quốc	Duy	11/06/2003	Bến Tre	Phòng Máy 01
7	T38007	2000963	Trương Quốc	Duy	18/03/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 01
8	T38008	2100329	Nguyễn Võ Thành	Đạt	29/06/2003	TP.Hồ Chí Minh	Phòng Máy 01
9	T38009	2000576	Lê Hoàng	Huy	02/02/2002	Sóc Trăng	Phòng Máy 01
10	T38010	2101056	Nguyễn Đan	Huy	21/01/2003	An Giang	Phòng Máy 01
11	T38011	2100270	Đoàn Anh	Kiệt	15/01/2002	An Giang	Phòng Máy 01
12	T38012	2001179	Phạm Công	Kỷ	12/01/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 01
13	T38013	2001058	Lý Thanh	Khoa	17/06/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 01
14	T38014	2101105	Dương Gia	Linh	16/09/2003	Kiên Giang	Phòng Máy 01
15	T38015	2000063	Lê Phước	Lộc	08/01/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 01
16	T38016	2101248	Lý Mẫn	Nghi	05/05/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 01
17	T38017	2100267	Trần Trung	Nghĩa	23/09/2003	An Giang	Phòng Máy 01
18	T38018	2101442	Huỳnh Tuyết	Nhung	26/02/2002	Cà Mau	Phòng Máy 01
19	T38019	2100477	Lê Vĩnh	Phúc	09/12/2003	Đồng Tháp	Phòng Máy 01
20	T38020	2100963	Thái Thanh	Quân	12/01/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 01
21	T38021	2100314	Nguyễn Chí	Quyên	10/05/2003	Cà Mau	Phòng Máy 01
22	T38022	QTKD2211067	Trịnh Thị Thu	Tâm	29/06/2004	Trà Vinh	Phòng Máy 01
23	T38023	2100922	Phạm Uy	Tín	01/02/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 01
24	T38024	2000536	Nguyễn Nhựt	Vinh	18/07/2001	Cần Thơ	Phòng Máy 01
25	T38025	2101605	Nguyễn Thị Ngọc	Xoàn	15/09/2003	An Giang	Phòng Máy 01
26	T38026	CNXD2211038	Lê Hoàng Gia	Bảo	05/01/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
27	T38027	CNCD2211019	Nguyễn Gia	Bảo	13/10/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
28	T38028	CNHH2211024	Lê Thảo	Bằng	01/04/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 02
29	T38029	CNHH2211031	Mã Hữu	Bằng	12/09/2004	Cà Mau	Phòng Máy 02
30	T38030	2000949	Trần Phi	Bình	26/01/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 02
31	T38031	KTPM2211054	Thái Chí	Cường	14/07/2004	An Giang	Phòng Máy 02
32	T38032	2101053	Nguyễn Ngọc	Chí	30/12/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 02
33	T38033	KTPM2211066	Võ Thành	Dạng	10/08/2004	Tiền Giang	Phòng Máy 02
34	T38034	2000249	Huỳnh Hà Hữu	Duy	08/03/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 02
35	T38035	CNXD2211056	Nguyễn Đức	Duy	04/04/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 02
36	T38036	CNXD2211040	Phạm Anh	Duy	29/04/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
37	T38037	CNDT2211019	Lê Đông	Dương	28/08/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 02

DANH SÁCH DỰ THI TOEIC CTUT KHÓA 38**Ngày thi: 07/9/2025 (Buổi SÁNG có mặt tại phòng thi lúc 7h00)**

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	phòng
38	T38038	2101045	Nguyễn Vũ	Đạt	10/12/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
39	T38039	CNXD2211062	Phạm Thành	Đạt	03/10/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
40	T38040	CNXD2211063	Trần Minh	Đăng	30/03/2004	Kiên Giang	Phòng Máy 02
41	T38041	CNXD2211055	Phạm Phong	Điền	03/10/2004	Trà Vinh	Phòng Máy 02
42	T38042	CNXD2211022	Trần Nam	Định	14/10/2004	Kiên Giang	Phòng Máy 02
43	T38043	LUAT2211019	Tô Lâm Huỳnh	Giao	09/01/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
44	T38044	QTKD2211023	Võ Thị Ngọc	Giàu	11/02/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
45	T38045	CNXD2211024	Lê	Hoàng	26/08/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
46	T38046	KTHC2211009	Nguyễn Phạm Quốc	Huy	16/08/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
47	T38047	2100862	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	21/06/2003	An Giang	Phòng Máy 02
48	T38048	2001044	Trịnh Tấn	Hưng	14/11/2002	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
49	T38049	2000868	Nguyễn Văn Phúc	Khang	22/06/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 02
50	T38050	CNHH2211016	Võ Vĩ	Khang	07/03/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
51	T38051	CNSH2211039	Mã Chí	Khanh	15/11/2004	An Giang	Phòng Máy 03
52	T38052	2100598	Nguyễn Thanh	Khiết	15/08/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 03
53	T38053	2000729	Lê Hoàng	Khôi	15/07/2001	Hậu Giang	Phòng Máy 03
54	T38054	CNXD2211008	Bùi Trần Vũ	Khương	25/02/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 03
55	T38055	2101219	Phạm Hồng	Khương	05/05/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 03
56	T38056	CNXD2211033	Tân Lưu Gia	Lạc	08/11/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 03
57	T38057	1900455	Nguyễn Tấn	Long	01/01/2001	Cần Thơ	Phòng Máy 03
58	T38058	2000079	Nguyễn Thành	Lợi	15/04/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 03
59	T38059	2101460	Hồ Minh	Luân	17/07/2003	An Giang	Phòng Máy 03
60	T38060	QTKD2211035	Trương Văn	Luân	22/11/2003	Cà Mau	Phòng Máy 03
61	T38061	2100306	Nguyễn Bảo	Nhân	10/05/2003	An Giang	Phòng Máy 03
62	T38062	CNSH2211038	Huỳnh Thị Yến	Nhi	05/12/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 03
63	T38063	2001203	Lê Thúy	Nhi	11/12/2001	Cà Mau	Phòng Máy 03
64	T38064	QLCN2211042	Nguyễn Thị Huệ	Nhung	01/06/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
65	T38065	CNHH2211013	Hồ Hoàng	Nhựt	25/03/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 03
66	T38066	2100442	Lê Minh	Phú	22/05/2003	Đồng Tháp	Phòng Máy 03
67	T38067	2000278	Phan Trần Ngân	Phú	11/11/2002	Vĩnh Long	Phòng Máy 03
68	T38068	CNHH2211036	Trần Tô Hoài	Phúc	29/05/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 03
69	T38069	CNDT2211008	Nguyễn Nhật	Quang	05/10/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
70	T38070	KTPM2211033	Nguyễn Minh	Quân	01/10/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 03
71	T38071	2000527	Lợi Đỗ Quang	Sang	25/05/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 03
72	T38072	2000104	Phạm Nguyễn Quốc	Sự	28/05/2002	Vĩnh Long	Phòng Máy 03
73	T38073	2101292	Cao Văn	Tiến	23/09/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 03
74	T38074	CNDT2211003	Đoàn Tấn	Tiến	04/03/2004	Vĩnh Long	Phòng Máy 04

DANH SÁCH DỰ THI TOEIC CTUT KHÓA 38**Ngày thi: 07/9/2025 (Buổi SÁNG có mặt tại phòng thi lúc 7h00)**

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	phòng
75	T38075	CNXD2211032	Nguyễn Hữu	Tĩnh	29/04/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 04
76	T38076	CNHH2211041	Thái Văn	Tôn	01/08/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 04
77	T38077	CNSH2211032	Đào Hồng	Tú	07/10/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 04
78	T38078	2000420	Trang Thanh	Tú	29/12/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 04
79	T38079	2100890	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23/03/2003	Vĩnh Long	Phòng Máy 04
80	T38080	CNHH2211035	Trần Quang	Thái	13/03/2004	Cà Mau	Phòng Máy 04
81	T38081	2000239	Dương Tuấn	Thành	08/09/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 04
82	T38082	CNXD2211031	Huỳnh Văn	Thinh	15/09/2003	Bạc Liêu	Phòng Máy 04
83	T38083	2100175	Nguyễn Đào Quốc	Thịnh	23/08/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 04
84	T38084	CNSH2211047	Nguyễn Thị Bích	Thủy	05/03/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 04
85	T38085	CNSH2211004	Trịnh Thị Anh	Thư	03/09/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 04
86	T38086	2101633	Nguyễn Ngọc Huyề	Trân	16/11/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 04
87	T38087	2100250	Kiên An	Trích	10/01/2001	Trà Vinh	Phòng Máy 04
88	T38088	QTKD2211047	Từ Thị Thanh	Trúc	21/01/2004	Bạc Liêu	Phòng Máy 04
89	T38089	CNHH2211028	Nguyễn Quốc	Việt	07/05/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 04
90	T38090	CNXD2211036	Lê Trần Phương	Vinh	08/10/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 04
91	T38091	QLCN2211048	Nguyễn Phan Thảo	Vy	11/12/2004	An Giang	Phòng Máy 04
92	T38092	2101028	Phạm Kiều Hạ	Vy	11/08/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 04
93	T38093	CNHH2211009	Lê Triệu	Vỹ	02/05/2004	Cà Mau	Phòng Máy 04
94	T38094	KTPM2211023	Nguyễn Triều	Vỹ	07/08/2004	Vĩnh Long	Phòng Máy 04
95	T38095	2100611	Võ Phú	Yên	18/08/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 04
96	T38096	2100483	Lê Thị Hoàng	Yến	26/02/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 04
97	T38097	2100137	Nguyễn Trọng	Nhân	09/07/2003	An Giang	Phòng Máy 04
98	T38098	2100038	Trương Gia	Thịnh	29/07/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 04